

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

GIẤY MỜI

Về việc tham gia thực hiện gói thầu

Gói thầu: Thi công xây lắp và cung cấp lắp đặt thiết bị

Dự án: Sửa chữa và cải tạo hệ thống trạm xử lý nước thải cơ sở Long Trường

Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-ĐHTCM-ĐTMS ngày 26/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (điều chỉnh) dự án “Sửa chữa và cải tạo hệ thống trạm xử lý nước thải cơ sở Long Trường”.

Trường Đại học Tài chính – Marketing kính mời các đơn vị có đủ điều kiện năng lực tham gia thực hiện gói thầu “Thi công xây lắp và cung cấp lắp đặt thiết bị” dự án “Sửa chữa và cải tạo hệ thống trạm xử lý nước thải cơ sở Long Trường”, cụ thể như sau:

- Tên gói thầu: Thi công xây lắp và cung cấp lắp đặt thiết bị.
- Dự án: Sửa chữa và cải tạo hệ thống trạm xử lý nước thải cơ sở Long Trường.
- Giá gói thầu: 1.592.021.917 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm chín mươi hai triệu, không trăm hai mươi một ngàn, chín trăm mười bảy đồng).
- Thông tin cơ bản gói thầu: Theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm.
- Địa điểm xây dựng: 306 Võ Văn Hát, phường Long Trường, TP. Hồ Chí Minh.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.
- Thời gian nhận hồ sơ năng lực, báo giá: Đến hết ngày 04/9/2025.
- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đầu tư và Mua sắm, phòng D206 – 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian khảo sát hiện trạng công trình, mặt bằng thi công, các điều kiện đảm bảo thi công và thông tin liên quan: Từ ngày 27/8/2025 đến ngày 03/9/2025 (trong giờ hành chính).
- Người tiếp nhận hồ sơ: Ông. Trần Thiện Hiếu - ĐT: 0978 785 906.

Trường Đại học Tài chính – Marketing mong nhận được sự hợp tác của các Nhà thầu.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Đăng tải trên Website UFM-P. ĐTMS;
- Lưu: VT, ĐTMS.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Cao Tấn Huy

PHỤ LỤC 01: PHẠM VI, CÔNG VIỆC GÓI THẦU

1. Thông tin dự án

1. Tên dự án: Sửa chữa và cải tạo hệ thống trạm xử lý nước thải cơ sở Long Trường.

2. Chủ đầu tư: Trường Đại học Tài chính – Marketing.

3. Mục tiêu.

Sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng của hệ thống công nghệ trạm xử lý nước thải nhằm đảm bảo hệ thống đi vào hoạt động ổn định và quy trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

4. Quy mô sửa chữa.

- Sửa chữa và thay thế các thiết bị của Bể thu gom, Bể điều hòa, Bể Anoxic, Bể sinh học hiếu khí, Bể lắng bùn sinh học,...

- Cải tạo hệ thống lọc, Hệ thống hóa chất, Hệ thống điều khiển,...

- Bổ sung hồ ga giám sát nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Chạy thử, vận hành và chuyển giao.

- Phân tích mẫu nước sau xử lý.

- Các nội dung liên quan khác.

5. Địa điểm xây dựng: 306 Võ Văn Hát, phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Nhóm C, Cấp III - Công trình hạ tầng kỹ thuật

7. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

8. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn thu hợp pháp của Trường Đại học Tài chính - Marketing.

2. Phạm vi công việc gói thầu

- Sửa chữa, thay thế thiết bị thuộc các hạng mục công nghệ chính của hệ thống xử lý nước thải bao gồm: Bể thu gom, Bể điều hòa, Bể Anoxic, Bể sinh học hiếu khí và Bể lắng bùn sinh học,...

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống phụ trợ, bao gồm: Hệ thống lọc, hệ thống châm - pha hóa chất và hệ thống điều khiển tự động,...

- Bổ sung hồ ga kiểm tra chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (hồ ga giám sát nước thải đầu ra) nhằm đảm bảo theo dõi chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức chạy thử, vận hành và chuyển giao hệ thống sau khi hoàn thành công tác sửa chữa.

- Thực hiện phân tích mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả xử lý và đảm bảo các thông số đầu ra đạt chuẩn trước khi đưa hệ thống vào vận hành chính thức.

- Phân tích mẫu (01 mẫu sau xử lý phục vụ công tác nghiệm thu và bàn giao nội bộ hai bên A-B) trong bảng sau:

STT	Mẫu nước thải phục vụ công tác nghiệm thu và bàn giao (Bên lấy mẫu theo chỉ định hoặc quyết định của Đoàn kiểm tra)	Đơn vị	Số lượng
1	pH	Mẫu	01
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mẫu	01
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	01
4	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	01
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	Mẫu	01
6	Amoni (tính theo N)	Mẫu	01
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	Mẫu	01
8	Dầu mỡ động, thực vật	Mẫu	01
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	01
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	Mẫu	01
11	Tổng Coliforms	Mẫu	01

- Kết quả phân tích mẫu nước:

+ Các chỉ tiêu nước thải sau xử lý đạt yêu cầu theo yêu cầu của QCVN 14:2008/BTNMT cột A;

+ Cơ quan phân tích mẫu nước là các phòng thí nghiệm hoặc tổ chức được chỉ định và có đủ năng lực để thực hiện việc phân tích, kiểm nghiệm chất lượng nước theo các quy định và tiêu chuẩn hiện hành, phải được chứng nhận, công nhận bởi các tổ chức có thẩm quyền, như Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ để đảm bảo đủ điều kiện hoạt động và cung cấp dịch vụ.

- Các hạng mục công việc có liên quan khác nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, đồng bộ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về xử lý nước thải sinh hoạt.

- Chi tiết xem Bảng khối lượng công việc và thiết kế bản vẽ thi công kèm theo thư mời.

BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
NỀN ĐẤT HỆ THỐNG LỘC			
1	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng > 3m, sâu ≤ 1m, đất cấp III $1,3*4,6*2,5*0,4 = 5,98$	5,980	m3
2	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Đất các loại	5,980	m3
3	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo - Đất các loại $9*5,98 = 53,82$	53,820	m3
4	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công $4,6*2,5*0,1 = 1,15$	1,150	m3
5	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng > 250 cm, đá 1x2, vữa mác 150, PC40 $4,6*2,5*0,2 = 2,3$	2,30	m3
6	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250, PC40 $4,6*2,5*0,3 = 3,45$	3,450	m3
7	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép ≤ 18mm $2*(31*2,9+17*5)*0,89/1000 = 0,3113$	0,3113	tấn
8	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng bằng, móng bè, bê máy $2*(4,6+2,5)*0,4/100 = 0,0568$	0,0568	100m2
9	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 100, PC40 $4,6*2,5 = 11,5$	11,50	m2
NỀN HỆ HÓA CHẤT			
10	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng > 3m, sâu ≤ 1m, đất cấp III $1,3*(4,6*4,1-2*2)*0,4 = 7,7272$	7,7272	m3
11	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Đất các loại	7,7272	m3
12	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo - Đất các loại $9*7,7272 = 69,5448$	69,5448	m3
13	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao ≤ 6m, đá 1x2, mác 250, PC40 Dầm D1: $2*0,2*0,5*4,6 = 0,92$ Dầm D2: $2*0,2*0,5*4,1 = 0,82$	1,740	m3
14	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép ≤ 18mm, chiều cao ≤ 6m	0,1873	tấn

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
	Dầm D1: $2 \cdot (8 \cdot 4,6 \cdot 0,89 + 32 \cdot 1,32 \cdot 0,4) / 1000 = 0,0993$		
	Dầm D2: $2 \cdot (8 \cdot 4,1 \cdot 0,89 + 28 \cdot 1,32 \cdot 0,4) / 1000 = 0,088$		
15	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn xà dầm, giằng	0,1740	100m ²
	Dầm D1: $2 \cdot 2 \cdot 0,5 \cdot 4,6 / 100 = 0,092$		
	Dầm D2: $2 \cdot 2 \cdot 0,5 \cdot 4,1 / 100 = 0,082$		
16	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng > 250 cm, đá 1x2, vữa mác 150, PC40	4,4580	m ³
	$(4,6 \cdot 4,1 - 2 \cdot 2) \cdot 0,3 = 4,458$		
17	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250, PC40	2,9720	m ³
	$(4,6 \cdot 4,1 - 2 \cdot 2) \cdot 0,2 = 2,972$		
18	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	0,3969	tấn
	$2 \cdot (16 \cdot 4,4 + 14 \cdot 2,5 + 14 \cdot 5 + 14 \cdot 2 \cdot 1,7) \cdot 0,89 / 1000 = 0,3969$		
19	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 100, PC40	14,860	m ²
	$4,6 \cdot 4,1 - 2 \cdot 2 = 14,86$		
	MÁI CHE HỆ HÓA CHẤT		
20	Gia công cột bằng thép hình	0,0654	tấn
	Thép 40x80: $8 \cdot 2,5 \cdot 3,268 / 1000 = 0,0654$		
21	Lắp dựng cột thép các loại	0,0654	tấn
22	Gia công dầm tường, dầm dưới vì kèo	0,1137	tấn
	Thép 40x80: $(2 \cdot 4,6 \cdot 2 + 2 \cdot 4,1 \cdot 2) \cdot 3,268 / 1000 = 0,1137$		
23	Lắp dựng dầm tường, dầm cột	0,1137	tấn
24	Gia công giằng mái thép	0,1536	tấn
	Thép 40x80: $(2 \cdot 3 \cdot 2,5 + 8 \cdot 4) \cdot 3,268 / 1000 = 0,1536$		
25	Lắp dựng xà gồ thép	0,1536	tấn
26	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ	0,5670	100m ²
	Mái: $2 \cdot 2,9 \cdot 4 / 100 = 0,232$		
	Úp mái: $0,6 \cdot 4 / 100 = 0,024$		
	Góc mái, tường: $2 \cdot 0,4 \cdot 2,9 / 100 = 0,0232$		
	Tường: $(2 \cdot 4 \cdot 1,8 + 4,6 \cdot 2,5) / 100 = 0,259$		
	Góc tường: $4 \cdot 0,4 \cdot 1,8 / 100 = 0,0288$		
27	Cung cấp cửa nhôm pano kính	2,240	m ²
	$1,6 \cdot 1,4 = 2,24$		
28	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	2,240	m ²
29	Cung cấp và lắp đặt lam khung sắt tole màu	4,0	m ²
	$2 \cdot 2 \cdot 1 = 4$		
	HỒ GA LẤY MẪU		

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
30	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng > 3m, sâu ≤ 1m, đất cấp III	1,170	m3
	$1,3*1*1*0,9 = 1,17$		
31	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm - Đất các loại	1,170	m3
32	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo - Đất các loại	10,530	m3
	$9*1,17 = 10,53$		
33	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	0,10	m3
	$1*1*0,1 = 0,1$		
34	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng > 250 cm, đá 1x2, vữa mác 150, PC40	0,10	m3
	$1*1*0,1 = 0,1$		
35	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250, PC40	0,20	m3
	$1*1*0,2 = 0,2$		
36	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép ≤ 18mm	0,0224	tấn
	$(7*4*0,9)*0,89/1000 = 0,0224$		
37	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng bằng, móng bè, bệ máy	0,0120	100m2
	$2*(1+1)*0,3/100 = 0,012$		
38	Láng nền sàn không đánh mẫu, dày 2cm, vữa XM mác 100, PC40	1,0	m2
	$1*1 = 1$		
39	Xây gạch thẻ, xây tường thẳng chiều dày ≤ 30cm, chiều cao ≤ 6m, vữa XM mác 100, PC40	0,4480	m3
	$4*0,8*0,7*0,2 = 0,448$		
40	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 100, PC40	3,60	m2
	$4*1*0,9 = 3,6$		
41	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 100, PC40	1,680	m2
	$4*0,6*0,7 = 1,68$		
42	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	6,280	m2
	$4*1*0,9+4*0,6*0,7+1*1 = 6,28$		
	PHẦN THIẾT BỊ		
43	Sửa chữa bơm nước thải bể thu gom công suất 2,2KW (quấn lại cuộn dây, thay nhớt và phốt)	1,0	Bộ
44	Sửa chữa bơm nước thải bể thu gom công suất 2,2KW (thay nhớt và phốt)	1,0	Bộ

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
45	Cung cấp và lắp đặt phao báo mức cho bể thu gom	1,0	Bộ
46	Bảo trì, sửa chữa motor cho lược rác trống quay	1,0	Bộ
47	Sửa chữa bơm nước thải bể điều hòa công suất 2,2KW (quấn lại cuộn dây, thay nhớt và phốt)	1,0	Bộ
48	Sửa chữa bơm nước thải bể điều hòa công suất 2,2KW (thay nhớt và phốt)	1,0	Bộ
49	Cung cấp và lắp đặt phao báo mức cho bể điều hòa	1,0	Bộ
50	Sửa chữa máy khuấy chìm bể điều hòa công suất 1,5KW gồm quấn lại cuộn dây, thay phốt	1,0	Bộ
51	Cung cấp lắp đặt máy khuấy chìm cho bể thiếu khí công suất 1,5KW	2,0	Bộ
52	Cung cấp lắp đặt thanh trượt, xích kéo cho máy khuấy chìm 1,5KW	2,0	Bộ
53	Bơm nước vệ sinh bể & tháo bỏ giá thể hiện hữu trong bể thiếu khí (bao gồm công tác thông thoáng và đo nồng độ Oxi trong bể trước khi thi công)	1,0	Trọn gói
54	Sửa máy thổi khí gồm: bảo dưỡng máy, thay nhớt, tra mỡ, thay dây cuaro)	3,0	Bộ
55	Cung cấp lắp đặt bơm nước thải nhúng chìm công suất 1,5KW, lưu lượng 25m ³ /h, cột áp 6m	2,0	Bộ
56	Cung cấp lắp đặt khớp nối động cho bơm chìm 1,5KW, gồm: autocoupling, thanh trượt, xích kéo	2,0	Bộ
57	Bơm nước vệ sinh bể & tháo bỏ giá thể hiện hữu trong bể hiếu khí (bao gồm công tác thông thoáng và đo nồng độ Oxi trong bể trước khi thi công)	1,0	Trọn gói
58	Cung cấp lắp đặt giá thể vi sinh cho bể hiếu khí	5,0	m ³
59	Cung cấp lắp đặt khung giá thể vi sinh cho bể hiếu khí	5,0	m ³
60	Bơm nước vệ sinh bể lắng (bao gồm công tác thông thoáng và đo nồng độ Oxi trong bể trước khi thi công)	1,0	Trọn gói
61	Sửa chữa hệ thống cào bùn bể lắng (bao gồm công tác hàn lại thanh gạt hư hỏng, thay gạt cao su)	1,0	Bộ
62	Sửa chữa, quấn lại motor cào bùn	1,0	Bộ
63	Cung cấp lắp đặt bơm định lượng hóa chất lưu lượng 32 lít/giờ, cột áp 3bar	6,0	Bộ

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
64	Cung cấp lắp đặt bồn chứa hóa chất 500 Lit	1,0	Bộ
65	Thay thế Motor khuấy hóa chất gồm: tháo motor và cánh khuấy cũ, cung cấp lắp đặt motor 0,4KW và cánh khuấy mới	1,0	Bộ
66	Cung cấp lắp đặt motor 0,4KW và cánh khuấy mới	2,0	Bộ
67	Cung cấp lắp đặt khung lắp motor và bơm định lượng hóa chất	1,0	Bộ
68	Cầu bồn lọc lên trên nền thiết bị mới	2,0	Bộ
69	Vệ sinh bồn lọc áp lực gồm: lấy bỏ vật liệu lọc hiện hữu, vệ sinh bồn lọc	2,0	Bộ
70	Sơn sửa bồn lọc áp lực gồm: sơn mặt ngoài	2,0	Bộ
71	Cung cấp lắp đặt vật liệu lọc	2,0	Bồn
72	Cung cấp lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng DN80	1,0	Bộ
73	Cung cấp lắp đặt nắp thăm Inox 304	14,0	Bộ
74	Cung cấp bùn vi sinh cho bể thiếu khí và hiếu khí	1,0	Trộn gói
75	Cung cấp hóa chất vận hành thử nghiệm	1,0	Trộn gói
76	Vận hành nuôi cấy vi sinh, hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ	1,0	Trộn gói
77	Lấy mẫu & phân tích mẫu nước thải đầu ra theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A	1,0	Lần
HỆ THỐNG ỐNG KHÍ INOX			
78	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 150mm	0,360	100m
	$36/100 = 0,36$		
79	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 80mm	0,060	100m
	$6/100 = 0,06$		
80	Lắp đặt co thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn d=150mm	3,0	cái
81	Lắp đặt co thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn d=80mm	3,0	cái
82	Lắp bít ống thép không gỉ, đường kính ống d=150mm	2,0	bích
83	Lắp bích thép không rỉ, đường kính ống d=80mm	9,0	bích
84	Lắp đặt van bướm mặt bích, đường kính van d=80mm	3,0	cái
85	Phụ kiện lắp đặt đường ống khí Inox gồm: bát đỡ, cùm, tắc kê, bulong, vít,...	1,0	Hệ
HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG PVC			

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
86	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính ống 100mm	0,160	100m
	$16/100 = 0,16$		
87	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính ống 80mm	0,480	100m
	$48/100 = 0,48$		
88	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính ống 50mm	0,30	100m
	$30/100 = 0,3$		
89	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính ống 32mm	0,120	100m
	$12/100 = 0,12$		
90	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính ống 20mm	0,760	100m
	$76/100 = 0,76$		
91	Lắp đặt co nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=100mm	4,0	cái
92	Lắp đặt co nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=80mm	17,0	cái
93	Lắp đặt co nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=50mm	4,0	cái
94	Lắp đặt co nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=32mm	5,0	cái
95	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=20mm	15,0	cái
96	Lắp đặt tê giảm nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=100mm/80mm	6,0	cái
97	Lắp đặt tê nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=80mm	11,0	cái
98	Lắp đặt tê giảm nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=50mm/27mm	1,0	cái
99	Lắp đặt tê giảm nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=32mm/27mm	2,0	cái

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
100	Lắp đặt tê giảm nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=20mm	10,0	cái
101	Lắp đặt bích nhựa, đường kính 100mm	6,0	cái
102	Lắp đặt bích nhựa, đường kính 80mm	30,0	cái
103	Lắp đặt giảm nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính d=100mm/80mm	4,0	cái
104	Lắp đặt van 1 chiều, đường kính van d=80mm	2,0	cái
105	Lắp đặt van bướm nhựa, đường kính van d=80mm	10,0	cái
106	Phụ kiện lắp đặt đường ống PVC gồm: bát đỡ, cùm, tắc kê, bulong, vít,...	1,0	Hệ
HỆ THỐNG ĐIỆN			
107	Lắp đặt tủ điện điều khiển Inox H1000xW700xD250xT1.5(mm)	1,0	1 tủ
108	Lắp đặt MCCB 3 pha, cường độ dòng điện 40Ampe	1,0	cái
109	Lắp đặt MCB 3 pha, cường độ dòng điện 10Ampe	5,0	cái
110	Lắp đặt Contactor 3 pha, cường độ dòng điện 9Ampe	5,0	cái
111	Lắp đặt Role nhiệt 3 pha, cường độ dòng điện <= 10Ampe	5,0	cái
112	Lắp đặt các loại đồng hồ - Vol kế	1,0	cái
113	Lắp đặt các loại đồng hồ - Ampe kế	1,0	cái
114	Lắp đặt các loại máy biến dòng, cường độ dòng điện <=50/5A	1,0	bộ
115	Lắp đặt cầu chì 2A	3,0	bộ
116	Lắp đặt quạt thông gió KT 120x120mm	1,0	cái
117	Lắp đặt đèn tín hiệu (đỏ, vàng, xanh)	17,0	bộ
118	Lắp đặt công tắc xoay 3 cực	6,0	cái
119	Lắp đặt nút dừng khẩn	1,0	bộ
120	Lắp đặt chân Relay trung gian	10,0	cái
121	Lắp đặt Rơ le trung gian	10,0	cái
122	Lắp đặt chân Relay thời gian	3,0	cái
123	Lắp đặt Rơ le thời gian	3,0	cái
124	Lắp đặt hộp đấu điện chống nước	5,0	hộp
125	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 2.5mm ²	120,0	m
126	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột 1.5mm ²	60,0	m
127	Lắp đặt dây đơn 2.5mm ²	20,0	m
128	Lắp đặt dây đơn 1.5mm ²	15,0	m
129	Lắp đặt dây đơn 0.5mm ²	80,0	m
130	Cung cấp lắp đặt máng điện Inox 200x100	10,0	m
131	Cung cấp lắp đặt ruột gà lõi kèm D25	10,0	m

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
132	Phụ kiện lắp đặt tủ điện gồm: ray, đầu cos, đánh số, domino,...	1,0	Hệ

Ghi chú: Các yêu cầu chi tiết, cụ thể về công nghệ, kỹ thuật,..các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các điều kiện khác liên quan theo hồ sơ dự án đã được phê duyệt.



PHỤ LỤC 02: YÊU CẦU NĂNG LỰC NHÀ THẦU

Stt	Nội dung yêu cầu
1	Số lượng Hồ sơ năng lực: 02 bộ.
2	Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp pháp (<i>bản chứng thực hoặc công chứng</i>).
3	Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia MPI.
4	Đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng thi công công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc công trình dân dụng cấp III trở lên, có giá trị từ 796.000.000 VNĐ; trong đó có hạng mục Cải tạo, sửa chữa hoặc xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải, chất lượng nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột A (<i>bản chứng thực hoặc công chứng hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý</i>).
5	Các nhân sự chủ chốt tham gia gói thầu yêu cầu số lượng ≥ 03 người (chưa bao gồm nhân sự liên quan). - Kinh nghiệm tối thiểu 03 năm. Từng tham gia thi công công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc công trình dân dụng cấp III trở lên, trong đó có hạng mục Cải tạo, sửa chữa hoặc xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải. - Có bằng tốt nghiệp đại học liên quan đến các ngành như kỹ sư xây dựng, kỹ sư môi trường, kỹ sư cấp thoát nước. - Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng III trở lên. (<i>bản chứng thực hoặc công chứng</i>). - Có tài liệu minh chứng nhân sự của nhà thầu đảm bảo quy định. - Có bản Thuyết minh biện pháp tổ chức thi công đảm bảo thực hiện gói thầu theo yêu cầu của dự án về công nghệ, kỹ thuật, chất lượng, an toàn, tiến độ và mục tiêu đầu tư.

CHÍNH

